

UNIT 1:**LEISURE ACTIVITIES****A CLOSER LOOK 2+ SKILLS 1****I/ NEW WORDS:****(A closer look 2)**

- adore /ə'dɔ:r/
- detest /dɪ'test/
- fancy /'fæɪn.sɪ/

(v):yêu thích, mê thích
(v):ghét,
(v):mến, thích

(Skills 1)

- benefit /'ben.ɪ.fit/
- harmful /'hɑ:m.ful/
- ripe fruit
- virtual /'vɜ:.tʃu.əl/
- rely /rɪ'laɪ/
- exist /ɪg'zɪst/
- ban /bæn/
- positive /'pɒz.ə.tɪv/
- negative /'neg.ə.tɪv/
- solution /sə'lu:.ʃən/
- persuade /pə'sweɪd/

(n): lợi, lợi ích
(adj):có hại
(n):quả chín
(adj):ảo
(v):t.tưởng vào,dựa vào
(v):tồn tại, sống sót
(v,n)cấm, lệnh cấm
(adj):k. định, tích cực
(adj):pđịnh,tiêu cực
(n):giải pháp
(v):thuyết phục